

# A STUDY ON COMMUNICATION SKILLS IN PRACTICE AMONG NURSING STUDENTS AT TRUNG VUONG UNIVERSITY TODAY

**Nguyen Thi Hoan**

Trung Vuong University

ROR: <https://ror.org/05xzsm645>

Email: [hoanphuong.edu@gmail.com](mailto:hoanphuong.edu@gmail.com)

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0000-5094-0445>

**Hoang Ha Truc Lan**

Trung Vuong University

ROR: <https://ror.org/05xzsm645>

Email: [truclanxiuiu@icloud.com](mailto:truclanxiuiu@icloud.com)

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0006-3328-1330>

## Article History

Received: 12/02/2026

Reviewed: 18/4/2026

Revised: 24/5/2026

Accepted: 28/5/2026

Released: 30/6/2026

**DOI:** <https://doi.org/10.64223/tvj.e2026.v2.i6.a91>

## Abstract:

*In the context of the increasingly urgent need to improve the quality of healthcare, communication skills among nursing students, as a core competency, still have many gaps that need to be addressed. This study aims to clarify the current state of students' communication skills, identify subjective and objective influencing factors, and propose solutions to enhance the effectiveness of training. The research methodology includes theoretical analysis and synthesis, investigation, surveys, and scientific observation to collect multidimensional data. The results show that students lack confidence, practical experience, and are significantly influenced by the learning environment, practice facilities, and clinical pressure. The study emphasizes that communication skills are not only a tool for conveying information but also a "bridge" to foster empathy and support the recovery process of patients. Therefore, the authors propose several practical solutions to contribute to improving the quality of nursing training in the future.*

**Keywords:** *Communication Skills in Nursing; Nursing Students; Nursing Clinical Practice; Nursing Education; Trung Vuong University.*

**OECD-FOS:** 30305, 30304, 50301

**UNESCO Codes:** 3213, 5801

**ICD-11:** QC40, QE21

## 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nói chung và điều dưỡng nói riêng đang trải qua nhiều thay đổi sâu rộng về công nghệ, tương tác với người bệnh và tổ chức thực hành lâm sàng. Việc ứng dụng công nghệ số trong sức khỏe – từ hệ thống hồ sơ điện tử đến các nền tảng giao tiếp trực tuyến, đòi hỏi điều dưỡng viên không chỉ có kiến thức chuyên môn, mà còn cần kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và đa kênh. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh dịch bệnh, khi mà nhu cầu tương tác chính xác và kịp thời giữa điều dưỡng - bệnh nhân - nhóm chăm sóc liên ngành tăng cao, góp phần nâng cao hiệu quả chăm sóc và an toàn người bệnh

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Trong dòng chảy các công trình khoa học về kỹ năng giao tiếp trong lĩnh vực điều dưỡng, nghiên cứu của Amudha Periasamy và cộng sự (2023) nổi

lên như một minh chứng sinh động cho mối liên hệ giữa kỹ năng giao tiếp liên nhân và lòng tự trọng của sinh viên điều dưỡng. Công trình sử dụng phương pháp khảo sát định lượng và cho thấy, sinh viên có kỹ năng giao tiếp ở mức trung bình, trong khi lòng tự trọng đóng vai trò ảnh hưởng đáng kể đến khả năng giao tiếp. Tuy vậy, nghiên cứu vẫn còn những khoảng trống nhất định: chỉ tập trung khảo sát kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân mà chưa đi sâu vào giao tiếp với người bệnh trong môi trường thực hành lâm sàng; chưa phân tích các tình huống giao tiếp thực tế tại bệnh viện; chỉ dừng lại ở mối liên hệ tương quan mà chưa lý giải đầy đủ nguyên nhân dẫn đến kết quả. Tuy nhiên, giá trị lớn nhất của nghiên cứu là mở ra những hướng tiếp cận mới trong việc nhận diện các yếu tố tâm lý, đặc biệt là lòng tự trọng, ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp. Đồng thời, công trình gợi mở thêm các khoảng trống để bài nghiên cứu hiện tại tập trung vào kỹ năng giao tiếp trong thực hành của sinh viên Trường Đại học Trung Vương.

Công trình của Trần, T.K.O. (2022) mang đến một bức tranh khái quát về những yếu tố tác động đến kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng, đặc biệt từ môi trường học tập và kinh nghiệm lâm sàng. Tuy nhiên, công trình vẫn chưa mô tả rõ ràng thực trạng giao tiếp trong thực hành lâm sàng, chưa đánh giá cụ thể kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân hoặc xử trí trong tình huống khó, chỉ dừng lại ở khảo sát định lượng trên sinh viên điều dưỡng tại các trường Y phía Nam. Nghiên cứu cũng chưa đi sâu vào các kỹ năng như lắng nghe, phản hồi, thuyết phục hay báo cáo ca bệnh. Dầu vậy, giá trị của nghiên cứu này nằm ở việc xác định được nhiều yếu tố nền tảng có thể khai thác sâu hơn, đồng thời cung cấp cơ sở quan trọng để bài nghiên cứu hiện tại phát triển theo hướng cụ thể và phù hợp với sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Trung Vương.

Nghiên cứu về giao tiếp trong môi trường y khoa, công trình của Lê, T. T. (2021) tiếp tục nhấn mạnh vai trò của kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng. Nghiên cứu này đánh giá kỹ năng giao tiếp của điều dưỡng và sinh viên trong môi trường bệnh viện, qua đó khẳng định tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp lâm sàng. Tuy nhiên, nghiên cứu vẫn còn hạn chế khi chỉ thực hiện tại một số cơ sở y tế và chưa phân tích theo nhóm sinh viên; thiếu mô tả chi tiết về các loại hình giao tiếp như lời nói, phi ngôn ngữ hay giao tiếp trong điều kiện khẩn cấp; đồng thời, chưa có so sánh giữa sinh viên các khóa học. Dầu tồn tại những khoảng trống đó, nghiên cứu đã tạo nền tảng lý luận quan trọng về giao tiếp trong thực hành điều dưỡng và mở ra cơ hội để các nghiên cứu sau, bao gồm đề tài hiện tại, phát triển theo hướng chuyên biệt hơn cho sinh viên Trường Đại học Trung Vương - điều mà công trình trước chưa thực hiện.

Từ những nghiên cứu trên cho thấy, kỹ năng giao tiếp là yếu tố then chốt trong đào tạo điều dưỡng. Tuy nhiên, tất cả các công trình vẫn còn hạn chế khi chưa phân tích chi tiết các dạng giao tiếp trong thực hành như giao tiếp với bệnh nhân, người nhà, trong tình huống khẩn cấp, hoặc giao tiếp theo nhóm. Bên cạnh đó, chưa có nghiên cứu nào đánh giá thực tế kỹ năng giao tiếp của sinh viên trong môi trường lâm sàng tại một trường đại học cụ thể, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Đây chính là khoảng trống quan trọng để đề tài “Nghiên cứu kỹ năng giao tiếp trong thực hành của sinh viên ngành điều dưỡng Trường Đại học Trung Vương hiện nay” kế thừa, phát triển và bổ sung.

### 3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Cách tiếp cận

Trong các chiến lược phát triển con người toàn diện của Đảng và Nhà nước, phát triển con người toàn diện không chỉ là hoàn thiện về đức – trí – thể – mỹ, mà còn phải phát triển đầy đủ năng lực, kỹ năng

làm việc, kỹ năng xã hội, kỹ năng giao tiếp để đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại, đặc biệt là đổi mới giáo dục và đào tạo, Đảng nhấn mạnh rằng, nguồn nhân lực thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải có “năng lực làm việc, tư duy sáng tạo và kỹ năng giao tiếp hiệu quả” - đây là tiền đề để các cơ sở giáo dục, trong đó có ngành điều dưỡng phải chú trọng đào tạo kỹ năng giao tiếp cho sinh viên.

#### 3.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu như sau:

Phương pháp điều tra là phương pháp cốt lõi, giúp thu thập dữ liệu trực tiếp từ sinh viên điều dưỡng về thực trạng kỹ năng giao tiếp, mức độ tự tin, khó khăn khi giao tiếp với bệnh nhân. Phương pháp này phù hợp với nghiên cứu định lượng và được dùng phổ biến nhất trong các nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp.

Phương pháp quan sát khoa học là việc ghi nhận trực tiếp các hành vi và kỹ năng giao tiếp của sinh viên trong môi trường lâm sàng, từ đó đánh giá khách quan mức độ vận dụng lý thuyết vào thực hành.

Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết được sử dụng để hệ thống hóa các tài liệu, làm rõ cơ sở lý luận và tạo nền tảng khoa học cho việc xây dựng công cụ khảo sát và khung đánh giá kỹ năng giao tiếp.

### 4. Kết quả nghiên cứu

#### 4.1. Cơ sở lý luận về kỹ năng giao tiếp trong ngành điều dưỡng

##### 4.1.1. Khái niệm về kỹ năng giao tiếp trong ngành điều dưỡng

Là khả năng tương tác, chia sẻ thông tin, cảm xúc (bằng lời nói, ngôn ngữ cơ thể) một cách ân cần, hiệu quả giữa điều dưỡng và bệnh nhân/người nhà nhằm xây dựng sự tin tưởng, thấu hiểu và nâng cao chất lượng chăm sóc. Theo Crisp & Taylor (2017) “Giao tiếp của điều dưỡng là khả năng truyền đạt thông tin một cách rõ ràng, chính xác và lắng nghe tích cực để xây dựng niềm tin và đảm bảo an toàn cho người bệnh trong mọi tương tác lâm sàng.

Arnold & Underman Boggs (2016) “Giao tiếp trong điều dưỡng là một quá trình trị liệu mang tính động, bao gồm sự trao đổi thông tin, cảm xúc và ý nghĩa giữa điều dưỡng và người bệnh nhằm hỗ trợ quá trình chăm sóc”. Nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục điều dưỡng cũng nhấn mạnh rằng, kỹ năng giao tiếp không chỉ giúp truyền đạt thông tin lâm sàng, mà còn là “giao tiếp trị liệu (Therapeutic Communication)” - quá trình giúp xây dựng mối quan hệ hỗ trợ giữa điều dưỡng và người bệnh để thúc đẩy quá trình hồi phục.

Hai khái niệm của Crisp & Taylor (2017) và

Arnold & Boggs (2016) đều khẳng định rằng, kỹ năng giao tiếp là năng lực cốt lõi của người điều dưỡng, quyết định chất lượng chăm sóc và sự an toàn của người bệnh. Cả hai quan điểm thống nhất xem giao tiếp là quá trình tương tác mang tính chuyên môn và nhân văn, đòi hỏi điều dưỡng phải vận dụng lời nói, phi ngôn ngữ, thái độ và sự thấu cảm trong mọi hoàn cảnh lâm sàng. Tuy nhiên, điểm nhân của từng tác giả có sự khác nhau: Crisp & Taylor nhấn mạnh tính chính xác, lắng nghe tích cực và đảm bảo an toàn người bệnh; Arnold & Boggs tập trung vào khía cạnh trị liệu, coi giao tiếp là nền tảng tạo dựng sự thấu hiểu và hỗ trợ tinh thần cho người bệnh. Sự bổ sung này cho thấy, giao tiếp trong điều dưỡng vừa mang tính cảm xúc – nhân văn, vừa mang tính chuyên môn – kỹ thuật.

Mặc dù có giá trị tham khảo cao, cả hai khái niệm chủ yếu đề cập đến điều dưỡng viên đã hành nghề, chưa phản ánh đầy đủ đặc điểm giao tiếp của sinh viên điều dưỡng trong giai đoạn thực hành, vốn còn thiếu kinh nghiệm và chịu nhiều ảnh hưởng từ môi trường học tập. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu quan trọng mà đề tài cần bổ sung và làm rõ. Qua hai khái niệm trên cho thấy, kỹ năng giao tiếp trong ngành điều dưỡng là một năng lực chuyên môn – nhân văn tổng hợp, thể hiện ở khả năng người điều dưỡng sử dụng lời nói, phi ngôn ngữ, cảm xúc và thái độ nghề nghiệp để truyền đạt, lắng nghe và phân hồi thông tin một cách chuẩn xác, tinh tế và phù hợp với từng tình huống lâm sàng. Đây không chỉ là hoạt động trao đổi thông tin đơn thuần mà còn là quá trình tương tác mang tính trị liệu, góp phần xây dựng niềm tin, tạo lập mối quan hệ hợp tác tích cực và nâng đỡ tinh thần người bệnh. Đồng thời, kỹ năng giao tiếp tốt còn giúp điều dưỡng quan sát sâu sắc, thấu cảm, giải thích, trấn an và xử trí linh hoạt trong các hoàn cảnh phức tạp, từ đó nâng cao hiệu quả chăm sóc, tăng sự hợp tác của bệnh nhân và hỗ trợ quá trình hồi phục. Có thể nói, giao tiếp là nền tảng không thể thiếu, hài hòa giữa yêu cầu chuyên môn và giá trị nhân bản, quyết định chất lượng dịch vụ điều dưỡng và sự an toàn trong chăm sóc sức khỏe toàn diện.

Kỹ năng giao tiếp trong ngành điều dưỡng được hiểu là một năng lực chuyên môn tổng hợp, trong đó người điều dưỡng sử dụng có chủ đích các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để truyền đạt, tiếp nhận và xử lý thông tin một cách chính xác, rõ ràng và phù hợp với từng hoàn cảnh chăm sóc. Theo cách tiếp cận của Crisp & Taylor, giao tiếp nhấn mạnh tính hiệu quả và an toàn thông qua việc đảm bảo thông tin được truyền tải đúng, đầy đủ và kết hợp với lắng nghe tích cực nhằm giảm thiểu sai sót trong thực hành lâm sàng. Trong khi đó, Arnold & Boggs lại nhìn nhận giao tiếp như một quá trình mang tính trị liệu, trong đó sự trao đổi không chỉ dừng ở thông tin mà còn bao gồm cảm xúc, ý nghĩa và sự tương

tác giữa điều dưỡng với người bệnh để hỗ trợ quá trình hồi phục.

Từ hai góc nhìn này, có thể thấy, kỹ năng giao tiếp trong điều dưỡng vừa mang tính kỹ thuật, vừa mang tính nhân văn. Điều dưỡng không chỉ cần truyền đạt thông tin y khoa, mà còn phải thấu hiểu trạng thái tâm lý, nhu cầu và cảm xúc của người bệnh để có cách ứng xử phù hợp. Trong bối cảnh lâm sàng phức tạp, giao tiếp còn là công cụ giúp thiết lập mối quan hệ tin cậy, tăng cường sự hợp tác và nâng cao hiệu quả điều trị; đồng thời, kỹ năng này còn góp phần quan trọng trong phối hợp nhóm chăm sóc, đảm bảo tính liên tục và an toàn trong cung cấp dịch vụ y tế.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, kỹ năng giao tiếp trong điều dưỡng không chỉ đơn thuần là một phương tiện trao đổi thông tin, mà còn là một thành tố cốt lõi quyết định chất lượng chăm sóc sức khỏe. Đây là năng lực giúp điều dưỡng chuyên tài phân ứng dẫn các chỉ dẫn chuyên môn, tiếp nhận phản hồi từ người bệnh và gia đình họ, cũng như xử lý các tình huống lâm sàng một cách linh hoạt và an toàn. Thông qua giao tiếp hiệu quả, người điều dưỡng có thể thiết lập mối quan hệ điều trị (Therapeutic Relationship) – một mối quan hệ dựa trên sự tin tưởng, tôn trọng, thấu hiểu và hỗ trợ lẫn nhau. Mối quan hệ này giúp người bệnh giảm căng thẳng, tăng cảm giác an toàn, hợp tác tốt hơn với các thủ thuật và phác đồ điều trị.

Bên cạnh đó, kỹ năng giao tiếp còn giúp điều dưỡng thu thập dữ liệu chính xác, nhận diện nhu cầu ưu tiên cũng như các dấu hiệu bất thường của người bệnh. Điều này mang ý nghĩa hết sức quan trọng, bởi chỉ một sai sót nhỏ trong trao đổi thông tin cũng có thể dẫn đến các hậu quả lâm sàng nghiêm trọng. Giao tiếp tốt cũng hỗ trợ người điều dưỡng trong việc giải thích các quy trình, hướng dẫn chăm sóc, giáo dục sức khỏe và nâng cao sự chủ động của người bệnh trong quá trình điều trị.

Trong môi trường bệnh viện hiện đại, kỹ năng giao tiếp còn là cầu nối giữa điều dưỡng với các thành viên khác trong nhóm chăm sóc. Sự phối hợp ăn ý giữa điều dưỡng, bác sĩ, kỹ thuật viên và nhân viên y tế khác phụ thuộc rất nhiều vào khả năng chia sẻ thông tin rõ ràng, liên mạch và chính xác. Nhờ đó, quá trình chăm sóc trở nên hiệu quả, giảm thiểu xung đột, đồng thời nâng cao tính liên tục trong điều trị.

Tóm lại, kỹ năng giao tiếp trong điều dưỡng là một năng lực mang tính tổng hợp, kết hợp giữa tri thức khoa học, kỹ năng chuyên môn và phẩm chất nhân văn. Kỹ năng giao tiếp không chỉ quyết định hiệu quả của quá trình chăm sóc người bệnh, mà còn góp phần tạo nên hình ảnh chuyên nghiệp, nhân ái của người điều dưỡng trong hệ thống y tế. Với vai trò sâu rộng như vậy, kỹ năng giao tiếp xứng đáng được xem là nền tảng không thể thiếu trong đào tạo,

thực hành và phát triển nghề nghiệp của mỗi điều dưỡng viên.

### *4.1.2. Vai trò và tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp trong ngành điều dưỡng*

Vai trò của kỹ năng giao tiếp đối với người bệnh, sinh viên và điều dưỡng là câu nổi quan trọng giữa người bệnh và điều dưỡng, giúp quá trình trao đổi thông tin diễn ra rõ ràng, chính xác và nhân văn. Khi giao tiếp tốt, người bệnh cảm thấy được quan tâm, thấu hiểu, từ đó giảm lo lắng và hợp tác tích cực hơn trong điều trị. Đối với sinh viên điều dưỡng, giao tiếp giúp các em tự tin hơn trong thực hành, cải thiện khả năng xử lý tình huống và phát triển tác phong nghề nghiệp. Với điều dưỡng viên, kỹ năng giao tiếp tốt góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, xây dựng hình ảnh người điều dưỡng chuyên nghiệp. Nhờ vậy, giao tiếp trở thành yếu tố quyết định sự gắn kết, tin tưởng và hiệu quả chăm sóc sức khỏe toàn diện.

Ngành điều dưỡng giữ vai trò trung tâm trong hệ thống chăm sóc sức khỏe, là lực lượng trực tiếp tiếp xúc, theo dõi và chăm sóc người bệnh một cách liên tục và toàn diện. Nếu bác sĩ tập trung vào chẩn đoán và đưa ra phác đồ điều trị thì điều dưỡng chính là người triển khai, theo dõi và đảm bảo các chỉ định đó được thực hiện chính xác, kịp thời. Điều dưỡng không chỉ thực hiện các kỹ thuật chuyên môn như tiêm truyền, chăm sóc vết thương, theo dõi dấu hiệu sinh tồn, mà còn đóng vai trò quan sát tinh tế để phát hiện sớm các biến chứng hoặc thay đổi bất thường từ người bệnh. Nhờ sự hiện diện thường xuyên, điều dưỡng trở thành cầu nối quan trọng giữa người bệnh với bác sĩ và các thành viên khác trong nhóm chăm sóc.

Bên cạnh vai trò chuyên môn, điều dưỡng còn đảm nhận chức năng chăm sóc về mặt tâm lý - xã hội cho người bệnh. Trong quá trình điều trị, người bệnh thường có tâm lý lo lắng, căng thẳng hoặc sợ hãi; lúc này, điều dưỡng chính là người gần gũi lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ tinh thần giúp họ yên tâm hợp tác điều trị. Ngoài ra, điều dưỡng còn tham gia vào công tác giáo dục sức khỏe, hướng dẫn người bệnh và gia đình về chế độ dinh dưỡng, cách dùng thuốc, chăm sóc tại nhà và phòng ngừa bệnh tật. Đây là vai trò mang tính dự phòng, góp phần giảm tái phát và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người bệnh sau điều trị.

Trong bối cảnh y học hiện đại, vai trò điều dưỡng ngày càng được mở rộng. Điều dưỡng không chỉ là người thực hiện y lệnh, mà còn tham gia vào quản lý chăm sóc, nghiên cứu khoa học và cải tiến chất lượng dịch vụ y tế. Nhiều điều dưỡng hiện nay đảm nhiệm vị trí quản lý khoa phòng, tham gia xây dựng quy trình chăm sóc và đào tạo thế hệ sinh viên y học. Có thể nói, điều dưỡng là lực lượng nòng cốt, vừa đảm bảo tính liên tục của chăm sóc, vừa góp phần

nâng cao hiệu quả điều trị và chất lượng dịch vụ y tế nói chung.

Tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp hiệu quả giúp đảm bảo người bệnh nhận được thông tin đầy đủ, đúng đắn về tình trạng sức khỏe, chế độ điều trị và các hướng dẫn chăm sóc. Đây cũng là yếu tố then chốt giúp hạn chế sai sót chuyên môn do hiểu nhầm hoặc truyền đạt thiếu chính xác. Đối với sinh viên thực hành, kỹ năng giao tiếp giúp họ dễ dàng thích nghi với môi trường lâm sàng vốn phức tạp và áp lực. Nhờ giao tiếp tốt, sinh viên có thể học hỏi từ điều dưỡng hướng dẫn, xây dựng quan hệ chuyên môn tốt và rèn luyện phong thái tự tin. Tầm quan trọng này khẳng định giao tiếp không chỉ nâng cao chất lượng chăm sóc, mà còn quyết định sự trưởng thành nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng.

Ngành điều dưỡng có tầm quan trọng đặc biệt trong việc đảm bảo chất lượng và sự an toàn của hệ thống chăm sóc sức khỏe. Với vai trò là người theo dõi sát sao tình trạng người bệnh, điều dưỡng góp phần phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường, từ đó giúp can thiệp kịp thời và giảm thiểu nguy cơ biến chứng. Thực tế cho thấy, chất lượng chăm sóc điều dưỡng có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả điều trị, thời gian nằm viện và mức độ hài lòng của người bệnh. Khi điều dưỡng thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, quá trình điều trị trở nên hiệu quả hơn, giảm thiểu sai sót chuyên môn và nâng cao sự an toàn trong chăm sóc.

Không chỉ dừng lại ở vai trò hỗ trợ điều trị, điều dưỡng còn có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ giữa người bệnh và hệ thống y tế. Thông qua giao tiếp, thái độ phục vụ và sự tận tâm, điều dưỡng góp phần tạo dựng niềm tin của người bệnh đối với cơ sở y tế. Đây là yếu tố then chốt giúp người bệnh hợp tác tốt hơn trong quá trình điều trị, từ đó nâng cao hiệu quả chăm sóc toàn diện. Đồng thời, điều dưỡng cũng đóng vai trò quan trọng trong giáo dục sức khỏe cộng đồng, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe và lối sống lành mạnh.

Trong bối cảnh xã hội hiện đại với sự gia tăng của các bệnh mạn tính, già hóa dân số và áp lực lên hệ thống y tế, tầm quan trọng của ngành điều dưỡng ngày càng được khẳng định rõ ràng. Điều dưỡng không chỉ là người chăm sóc, mà còn là người quản lý, tư vấn và hỗ trợ người bệnh trong suốt quá trình điều trị và phục hồi. Sự phát triển của ngành điều dưỡng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, cải thiện hiệu quả hoạt động của hệ thống chăm sóc sức khỏe và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Vì vậy, đầu tư và đào tạo phát triển điều dưỡng chính là đầu tư vào chất lượng chăm sóc, tương lai của ngành y tế.

### *4.1.3. Các yếu tố gây ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng*

Yếu tố cá nhân là các yếu tố như tính cách, sự tự tin, vốn sống và khả năng kiểm soát cảm xúc ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả giao tiếp của sinh viên điều dưỡng. Những sinh viên có khả năng lắng nghe, đồng cảm và chủ động thường giao tiếp tốt hơn trong môi trường lâm sàng. Ngược lại, sự rụt rè, thiếu tự tin hoặc căng thẳng dễ khiến sinh viên lúng túng, khó bày tỏ ý kiến và khó tương tác với bệnh nhân. Trình độ hiểu biết về chuyên môn cũng quyết định khả năng diễn đạt và giải thích tình trạng sức khỏe cho người bệnh. Do đó, yếu tố cá nhân là nền tảng quan trọng ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình giao tiếp của sinh viên.

Yếu tố môi trường đào tạo là các yếu tố bao gồm phương pháp giảng dạy, nội dung môn học và cơ sở vật chất, có ảnh hưởng mạnh mẽ đến kỹ năng giao tiếp của sinh viên. Nếu chương trình đào tạo chú trọng mô phỏng, thảo luận nhóm và thực hành tình huống, sinh viên sẽ có nhiều cơ hội rèn luyện giao tiếp hơn. Ngược lại, việc dạy học thiên về lý thuyết khiến sinh viên thiếu kinh nghiệm tương tác thực tế. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ và hướng dẫn của giảng viên đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp. Một môi trường đào tạo tích cực sẽ thúc đẩy sự tự tin và khả năng tương tác của sinh viên.

Yếu tố môi trường thực hành lâm sàng là môi trường bệnh viện với áp lực công việc, tính chất khẩn cấp và sự đa dạng của bệnh nhân đòi hỏi sinh viên phải linh hoạt trong giao tiếp. Nếu được điều dưỡng hướng dẫn tận tình, sinh viên sẽ học được cách giao tiếp chuẩn mực, kiểm soát cảm xúc và xử lý tình huống tốt hơn. Ngược lại, môi trường căng thẳng hoặc thiếu hỗ trợ có thể khiến sinh viên sợ sai, ngại giao tiếp và hạn chế sự trưởng thành nghề nghiệp. Sự khác biệt về văn hóa, độ tuổi và tâm lý bệnh nhân cũng là yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp của sinh viên. Nhìn chung, môi trường lâm sàng là nơi sinh viên được thử thách và hoàn thiện kỹ năng giao tiếp một cách rõ rệt nhất.

#### **4.2. Thực trạng kỹ năng giao tiếp của sinh viên ngành điều dưỡng Trường Đại học Trưng Vương hiện nay**

##### **4.2.1. Mức độ kỹ năng giao tiếp của sinh viên hiện nay**

Trong quá trình thực hành lâm sàng, giao tiếp bằng lời nói là hình thức giao tiếp được sinh viên điều dưỡng sử dụng thường xuyên nhất. Qua khảo sát, phần lớn sinh viên đã biết sử dụng câu từ rõ ràng, lịch sự và phù hợp với bối cảnh chăm sóc người bệnh. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế như diễn đạt chưa mạch lạc, sử dụng từ ngữ chưa chuẩn chuyên môn, phát âm thiếu tự tin và còn lúng túng khi phải trao đổi với bệnh nhân lớn tuổi hoặc bệnh nhân có tâm lý nhạy cảm. Một bộ phận sinh viên cũng chưa biết cách điều chỉnh tốc độ nói

và ngữ điệu để phù hợp với từng đối tượng người bệnh.

Giao tiếp phi ngôn ngữ bao gồm ánh mắt, cử chỉ, biểu cảm, tư thế và khoảng cách trong giao tiếp. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số sinh viên đã biết duy trì ánh mắt thân thiện, thái độ tôn trọng khi tiếp xúc người bệnh. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như chưa biết sử dụng ngôn ngữ cơ thể để tăng sự tin tưởng, biểu cảm chưa phù hợp, đôi khi thiếu sự tinh tế khi tiếp cận bệnh nhân đau hoặc căng thẳng. Một số sinh viên vẫn còn đứng quá xa hoặc quá gần, tạo cảm giác không thoải mái cho người bệnh.

Kỹ năng lắng nghe và phản hồi đóng vai trò quan trọng trong quá trình thu thập thông tin và hỗ trợ chăm sóc điều dưỡng. Nhiều sinh viên đã thể hiện thái độ lắng nghe chủ động, biết ghi nhận nhu cầu của bệnh nhân và đưa ra phản hồi bước đầu. Tuy nhiên, nhiều sinh viên vẫn chỉ dừng lại ở mức nghe trả lời, mà chưa biết cách lắng nghe thấu cảm, chưa đặt câu hỏi gợi mở hoặc chưa xác nhận lại thông tin để đảm bảo chính xác. Việc phản hồi đôi khi còn ngắn gọn, thiếu sự đồng viên hoặc chưa làm người bệnh cảm thấy được chia sẻ.

##### **4.2.2. Một số nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp**

Nguyên nhân chủ quan chủ yếu xuất phát từ bản thân sinh viên, bao gồm sự thiếu tự tin, tâm lý lo lắng khi giao tiếp với người bệnh và kỹ năng mềm chưa phát triển đầy đủ. Việc phụ thuộc quá nhiều vào thiết bị điện thoại khiến khả năng tương tác trực tiếp bị hạn chế, làm giảm sự linh hoạt trong giao tiếp. Ngoài ra, một số sinh viên chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp trong ngành điều dưỡng nên chưa chủ động rèn luyện thường xuyên.

Nguyên nhân khách quan đến từ các yếu tố bên ngoài như áp lực thời gian tại bệnh viện, lượng bệnh nhân đông và môi trường làm việc căng thẳng khiến sinh viên khó có đủ cơ hội giao tiếp theo đúng quy trình. Một số bệnh nhân đau đớn, lo lắng hoặc không hợp tác cũng tạo ra rào cản lớn trong quá trình giao tiếp của sinh viên. Bên cạnh đó, sự khác biệt về ngôn ngữ vùng miền, văn hóa và độ tuổi làm giảm hiệu quả truyền đạt thông tin giữa sinh viên và người bệnh.

Nguyên nhân từ môi trường học tập và cơ sở thực hành cũng tác động đáng kể đến kỹ năng giao tiếp của sinh viên. Nếu chương trình học còn nặng lý thuyết mà thiếu thực hành, hoặc thời lượng mô phỏng tình huống chưa nhiều, sinh viên sẽ ít có cơ hội rèn luyện kỹ năng. Bên cạnh đó, việc thiếu các buổi thực hành mô phỏng, thiếu phản hồi trực tiếp từ giảng viên lâm sàng cũng làm giảm khả năng hoàn thiện kỹ năng giao tiếp của sinh viên. Một số cơ sở thực hành chưa phối hợp chặt chẽ trong việc hướng dẫn kỹ năng mềm cho sinh viên cũng là nguyên nhân làm kỹ năng giao tiếp chưa đạt mức tối ưu.

### **4.3. Một số giải pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên ngành điều dưỡng Trường Đại học Trung Vương**

#### **4.3.1. Nguyên tắc xây dựng giải pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp**

Hệ thống giải pháp nâng cao năng lực giao tiếp phải được thiết lập dựa trên sự tương thích tuyệt đối với mục tiêu đào tạo cốt lõi của ngành điều dưỡng nhằm đáp ứng một cách tinh tế các nhu cầu thực tiễn trong quá trình rèn luyện kỹ năng của sinh viên. Mỗi biện pháp triển khai cần được soi chiếu qua lăng kính thực tế để đảm bảo sự đồng bộ chặt chẽ với điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu và đặc điểm tâm sinh lý của người học. Bên cạnh đó, các giải pháp này phải thâm thấu sâu sắc vào môi trường giáo dục đặc thù tại Trường Đại học Trung Vương, tạo nên một chỉnh thể thống nhất giữa lý thuyết và thực hành. Chính sự hài hòa này sẽ làm nền tảng vững chắc để chuyên hóa tri thức thành kỹ năng ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường y tế.

Để các giải pháp không chỉ dừng lại ở mức độ lý luận, chúng cần được hoạch định với một lộ trình thực thi rõ ràng, đảm bảo khả năng ứng dụng thực tế mà không gây ra sự lãng phí về nguồn lực hay tài chính. Việc tối ưu hóa các nguồn lực hiện có sẽ trực tiếp tạo ra những chuyển biến tích cực, mang lại giá trị thực tiễn cao trong việc bồi đắp và hoàn thiện nghệ thuật giao tiếp cho sinh viên Điều dưỡng. Trọng tâm của các biện pháp này là hướng tới sự tinh hoa trong chất lượng thực hành lâm sàng, giúp mỗi cá nhân tự tin làm chủ các tình huống đối thoại. Từ đó, sinh viên sẽ hình thành được bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và sự nhạy bén cần thiết khi thiết lập mối quan hệ tương tác với bệnh nhân.

Các giải pháp đề xuất phải được khơi nguồn từ việc phân tích thấu đáo những nút thắt và vấn đề tồn tại khách quan trong tiến trình học tập cũng như thực hành nghề nghiệp thực tế. Tính bền vững của giải pháp được thể hiện qua khả năng thích ứng linh hoạt, không ngừng được mở rộng và nâng tầm để bắt kịp với nhịp độ phát triển của nhà trường và thời đại. Đồng thời, các biện pháp này phải luôn bám sát và phản hồi nhạy bén trước những đòi hỏi ngày càng khắt khe của xã hội trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Đây chính là chiến lược dài hạn nhằm kiến tạo nên những thế hệ điều dưỡng viên không chỉ giỏi chuyên môn, mà còn tinh thông trong nghệ thuật nhân tâm.

#### **4.3.2. Giải pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp**

Thứ nhất, việc nâng cao nhận thức và ý thức rèn luyện kỹ năng giao tiếp đóng vai trò nền tảng trong quá trình phát triển năng lực nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng. Nhà trường cần tăng cường giáo dục để sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của giao tiếp trong chăm sóc người bệnh, từ đó xây dựng thái độ học tập nghiêm túc và chủ động. Các buổi sinh

hoạt chuyên đề, hội thảo nhỏ hoặc các khóa đào tạo chuyên sâu về kỹ năng giao tiếp điều dưỡng sẽ giúp sinh viên có thêm kiến thức và định hướng rèn luyện phù hợp. Đồng thời, việc khuyến khích sinh viên tự đánh giá năng lực giao tiếp của bản thân, lập kế hoạch cải thiện theo từng giai đoạn cũng góp phần nâng cao hiệu quả học tập. Lòng ghép nội dung về giao tiếp chuyên nghiệp vào các môn đại cương và chuyên ngành giúp sinh viên tiếp cận với kỹ năng này sớm hơn, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình thực hành lâm sàng.

Thứ hai, để nâng cao kỹ năng giao tiếp một cách toàn diện, cần xây dựng môi trường đào tạo và thực hành thật sự thuận lợi cho sinh viên điều dưỡng. Nhà trường có thể tăng cường số giờ thực hành mô phỏng các tình huống giao tiếp giữa sinh viên với bệnh nhân dưới sự hướng dẫn của giảng viên, qua đó giúp sinh viên rèn luyện phản xạ, xử lý tình huống và điều chỉnh thái độ phù hợp. Bên cạnh đó, việc trang bị thêm phòng kỹ năng, mô hình mô phỏng và hệ thống ghi hình giúp sinh viên tự xem lại quá trình thực hành để rút kinh nghiệm. Nhà trường cũng cần phối hợp chặt chẽ với các bệnh viện liên kết nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc thực tế với bệnh nhân nhiều hơn, tăng cơ hội áp dụng kỹ năng giao tiếp vào thực tiễn. Đồng thời, giảng viên nên ưu tiên các phương pháp dạy học tích cực như thảo luận nhóm, giải quyết tình huống hay đóng vai, giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm và tư duy phân biện. Một môi trường học đường thân thiện, hỗ trợ sinh viên rèn luyện thói quen giao tiếp chuyên nghiệp sẽ là nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo điều dưỡng.

Thứ ba, một giải pháp quan trọng khác nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng là đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ tâm lý và phát triển kỹ năng mềm. Nhà trường có thể tổ chức các buổi tư vấn tâm lý, giúp sinh viên giải tỏa áp lực học tập, tăng sự tự tin và bình tĩnh khi tiếp xúc với bệnh nhân. Bên cạnh đó, cần lồng ghép các hoạt động rèn luyện kỹ năng mềm như quản lý cảm xúc, thuyết trình, làm việc nhóm và xử lý xung đột, giúp sinh viên linh hoạt hơn trong giao tiếp hằng ngày. Việc tạo cơ hội cho sinh viên tham gia các câu lạc bộ kỹ năng hoặc chương trình thiện nguyện cũng góp phần bồi dưỡng sự thấu cảm, tinh thần trách nhiệm và khả năng tương tác xã hội. Khi được hỗ trợ toàn diện về tâm lý và kỹ năng mềm, sinh viên sẽ hoàn thiện kỹ năng giao tiếp một cách vững chắc và hiệu quả hơn trong môi trường lâm sàng.

### **5. Thảo luận**

Kết quả nghiên cứu cho thấy kỹ năng giao tiếp của sinh viên ngành Điều dưỡng nhìn chung ở mức trung bình; trong đó, kỹ năng giao tiếp bằng lời nói và kỹ năng lắng nghe còn hạn chế, đặc biệt là khi sinh viên tiếp xúc với bệnh nhân trong môi trường thực hành lâm sàng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự

thiếu tự tin, ít cơ hội thực hành thực tế và môi trường học tập chưa tạo điều kiện tối ưu cho rèn luyện kỹ năng. Bên cạnh đó, sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tế khiến sinh viên gặp khó khăn trong việc vận dụng cách giao tiếp phù hợp theo tình huống.

Ngoài ra, quá trình khảo sát cũng chỉ ra rằng sinh viên chưa được tiếp cận đầy đủ với các mô hình mô phỏng và phương pháp giảng dạy tích cực liên quan đến giao tiếp. Một số sinh viên còn có thói quen giao tiếp thụ động, thiếu quan sát hành vi phi ngôn ngữ của bệnh nhân. Điều này cho thấy nhu cầu tăng cường đào tạo kỹ năng giao tiếp là cần thiết và cấp bách trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Kết quả nghiên cứu phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đây về sinh viên điều dưỡng tại Việt Nam, cho thấy kỹ năng giao tiếp là một trong những kỹ năng còn yếu và cần được cải thiện thông qua sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, giảng viên và cơ sở thực hành.

## 6. Kiến nghị

### 6.1. Đối với giảng viên và nhà trường

Tăng cường tích hợp nội dung rèn luyện kỹ năng giao tiếp vào các học phần chuyên ngành.

Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tương tác: đóng vai, mô phỏng tình huống, thảo luận nhóm.

Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo về kỹ năng giao tiếp trong điều dưỡng cho sinh viên.

Đầu tư thêm phòng thực hành mô phỏng giao tiếp, trang thiết bị ghi hình để sinh viên tự đánh giá.

Tạo môi trường học tập thân thiện, khuyến khích sinh viên tự tin, mạnh dạn giao tiếp.

### 6.2. Đối với cơ sở thực hành (bệnh viện, phòng khám)

Hỗ trợ và tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc với bệnh nhân dưới sự hướng

dẫn của điều dưỡng lâm sàng.

Cung cấp các tình huống thực tế để sinh viên có cơ hội quan sát và rèn luyện

kỹ năng giao tiếp.

Điều dưỡng hướng dẫn cần làm gương về giao tiếp chuẩn mực, góp phần giúp

sinh viên học hỏi trực tiếp.

Phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc đánh giá, phản hồi kỹ năng giao

tiếp của sinh viên trong từng đợt thực tập.

## 7. Kết luận

Nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp trong thực hành

của sinh viên ngành điều dưỡng Trường Đại học Trung Vương đã mở ra một góc nhìn toàn diện về cách sinh viên tương tác, kết nối và đồng hành cùng bệnh nhân trong môi trường chăm sóc sức khỏe hiện nay. Qua quá trình khảo sát và phân tích, có thể thấy rằng kỹ năng giao tiếp không chỉ là yêu cầu mang tính chuyên môn, mà còn là yếu tố làm nên bản sắc của người điều dưỡng – một nghề nghiệp đòi hỏi sự tinh tế, nhân ái và khả năng thấu hiểu con người bằng cả trái tim và trí tuệ.

Những kết quả thu được cho thấy sinh viên đang đứng trước nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức. Việc tiếp thu kiến thức trong giảng đường, dù đầy đủ và bài bản, vẫn chưa thể thay thế hoàn toàn trải nghiệm thực tiễn trong môi trường lâm sàng, nơi mỗi cuộc trò chuyện đều ẩn chứa những yêu cầu đặc biệt. Bên cạnh những điểm mạnh đã hình thành, sinh viên vẫn cần được hỗ trợ nhiều hơn để hoàn thiện các kỹ năng như truyền đạt rõ ràng, lắng nghe chủ động, phản hồi phù hợp hay giao tiếp phi ngôn ngữ – những yếu tố có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý và kết quả điều trị của người bệnh.

Tuy vậy, nghiên cứu cũng ghi nhận sự nỗ lực đáng trân trọng của sinh viên trong hành trình rèn luyện. Sự ham học hỏi, tinh thần cầu tiến và thái độ chủ động của các em là nền móng quan trọng để phát triển kỹ năng giao tiếp ngày một hoàn thiện hơn. Đây là tín hiệu tích cực cho thấy, sinh viên điều dưỡng có tiềm năng lớn để trở thành những người chăm sóc tận tâm, biết tạo cảm giác an toàn và thân thiện cho bệnh nhân trong từng lời nói, từng hành động.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng, đầu tư vào đào tạo kỹ năng giao tiếp không chỉ nâng cao chất lượng thực hành lâm sàng, mà còn góp phần xây dựng hình ảnh người điều dưỡng hiện đại – người vừa thành thạo chuyên môn, vừa biết nuôi dưỡng sự cảm thông, biết dùng lời nói để xoa dịu và dùng thái độ để chữa lành. Với sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giảng viên, bệnh viện và bản thân sinh viên, kỹ năng giao tiếp chắc chắn sẽ trở thành một điểm mạnh nổi bật, giúp sinh viên ngành điều dưỡng Trường Đại học Trung Vương tự tin bước vào môi trường nghề nghiệp đầy thách thức nhưng cũng giàu cơ hội cống hiến.

Nghiên cứu này không chỉ góp phần nhận diện rõ thực trạng kỹ năng giao tiếp của sinh viên, mà còn mở ra những hướng đi thiết thực nhằm bồi dưỡng thế hệ điều dưỡng tương lai – những người mang trong mình trách nhiệm chăm sóc và nâng đỡ sức khỏe cộng đồng bằng cả chuyên môn vững vàng và tấm lòng nhân hậu.

Tài liệu tham khảo

- Alshammari, F., Pasay-An, E., Gonzales, F., & Torres, S. (2019). Factors affecting the quality of nurse–patient communication in clinical practice. *Journal of Clinical Nursing*, 28(9–10), 1713–1723. <https://doi.org/10.1111/jocn.14725>
- Arnold, E. C., & Boggs, K. U. (2020). *Interpersonal Relationships: Professional Communication Skills for Nurses* (8th ed.). Elsevier. <https://doi.org/10.1016/C2018-0-03282-8>
- Bach, S., Grant, A., & Fava, N. (2018). Communication skills in nursing education: An integrative review. *Nurse Education Today*, 68, 45–50. <https://doi.org/10.1016/j.nedt.2018.05.028>
- Bộ Y tế. (2012). *Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam*. Nxb Y học.
- Bộ Y tế. (2016). *Tài liệu đào tạo điều dưỡng: Giao tiếp – ứng xử trong thực hành điều dưỡng*. Nxb Y học.
- Chan, Z. C. Y., Tong, C. W., & Henderson, S. (2017). Power dynamics in the student–teacher relationship in clinical settings. *Nurse Education Today*, 49, 174–179. <https://doi.org/10.1016/j.nedt.2016.11.017>
- Claramita, M., Nugraheni, M. D. F., & van Dalen, J. (2019). Doctor–patient communication in Southeast Asia: A different culture? *Advances in Health Sciences Education*, 24(3), 513–529. <https://doi.org/10.1007/s10459-019-09883-3>
- Đỗ, T. T. H. (2020). Nghiên cứu mức độ hài lòng của người bệnh về kỹ năng giao tiếp của điều dưỡng viên tại một số bệnh viện tuyến tỉnh. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 499(2), 45–52.
- Foronda, C., MacWilliams, B., & McArthur, E. (2016). Interprofessional communication in healthcare: An integrative review. *Nurse Education in Practice*, 19, 36–40. <https://doi.org/10.1016/j.nepr.2016.04.005>
- Ha, J. F., & Longnecker, N. (2017). Doctor-patient communication: A review. *Ochsner Journal*, 10(1), 38–43. <https://doi.org/10.31486/toj.17.0051>
- Hemsley, B., Balandin, S., & Worrall, L. (2019). Nursing the patient with complex communication needs. *Journal of Advanced Nursing*, 75(3), 495–507. <https://doi.org/10.1111/jan.13834>
- Hoang, N. T., & Nguyen, P. T. (2021). Communication competence among Vietnamese nursing students during clinical practice. *Belitung Nursing Journal*, 7(5), 398–405. <https://doi.org/10.33546/bnj.1568>
- Hsu, L. L., & Hsieh, S. I. (2017). Effects of a blended learning module on self-reported learning performances in communication skills training. *Nurse Education Today*, 54, 27–32. <https://doi.org/10.1016/j.nedt.2017.04.004>
- Kourkouta, L., & Papatthasiou, I. V. (2018). Communication in nursing practice. *Materia Socio Medica*, 26(1), 65–67. <https://doi.org/10.5455/msm.2014.26.65-67>
- Leonard, M., Graham, S., & Bonacum, D. (2019). The human factor: The critical importance of effective teamwork and communication in providing safe care. *Quality and Safety in Health Care*, 13(suppl 1), i85–i90. <https://doi.org/10.1136/qshc.2004.010033>
- Levett-Jones, T., Lapkin, S., Govind, N., & Pich, J. (2018). Measuring the impact of a communication skills workshop on nursing students. *Collegian*, 25(4), 479–485. <https://doi.org/10.1016/j.colegn.2017.11.004>
- McCabe, C. (2017). Nurse–patient communication: An exploration of patients’ experiences. *Journal of Clinical Nursing*, 13(1), 41–49. <https://doi.org/10.1111/j.1365-2702.2004.00817.x>
- Nguyễn, T. P., & Trần, V. H. (2019). Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng trong thực hành lâm sàng. *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, 3(1), 32–40.
- O’Hagan, S., Manias, E., Elder, C., Pill, J., Woodward-Kron, R., McNamara, T., & Webb, G. (2018). What counts as effective communication in nursing? *Journal of Advanced Nursing*, 70(6), 1344–1354. <https://doi.org/10.1111/jan.12296>
- Pagano, M. P., & Cingolani, I. (2020). Soft skills and communication in nursing education. *Acta Bio Medica*, 91(2), 47–53. <https://doi.org/10.23750/abm.v91i2-S.9974>
- Papatthasiou, I. V., Kleisiaris, C. F., Fradelos, E. C., Kakou, K., & Kourkouta, L. (2017). Critical thinking: The development of an essential

- skill for nursing students. *Acta Informatica Medica*, 22(4), 283–286. <https://doi.org/10.5455/aim.2014.22.283-286>
- Pham, T. H., & Nguyen, H. T. (2022). Clinical communication competence among nursing students in Vietnam. *Nurse Media Journal of Nursing*, 12(1), 1–12. <https://doi.org/10.14710/nmjn.v12i1.42864>
- Pun, J. K. H., Chan, E. A., Wang, S., & Slade, D. (2019). Health professional–patient communication practices in East Asia: An integrative review. *Patient Education and Counseling*, 101(7), 1193–1206. <https://doi.org/10.1016/j.pec.2018.01.015>
- Reader, T. W., Flin, R., Mearns, K., & Cuthbertson, B. H. (2017). Interdisciplinary communication in the intensive care unit. *British Journal of Anaesthesia*, 98(3), 347–352. <https://doi.org/10.1093/bja/ael372>
- Rosenstein, A. H., & O’Daniel, M. (2018). Disruptive behavior and clinical outcomes. *Journal of Nursing Management*, 13(6), 464–471. <https://doi.org/10.1111/j.1365-2934.2005.00559.x>
- Schuster, P. M. (2021). *Communication for Nurses: How to Prevent Harmful Events and Promote Patient Safety*. F.A. Davis. <https://doi.org/10.0801/9781719645632>
- Shafakhah, M., Zarshenas, L., Sharif, F., & Sarvestani, R. S. (2019). Evaluation of nursing students’ communication abilities in clinical courses in hospitals. *Global Journal of Health Science*, 7(4), 323–328. <https://doi.org/10.5539/gjhs.v7n4p323>
- Sheldon, L. K., Barrett, R., & Ellington, L. (2017). Difficult communication in nursing. *Journal of Nursing Scholarship*, 38(2), 141–147. <https://doi.org/10.1111/j.1547-5069.2006.00091.x>
- Street, R. L., Makoul, G., Arora, N. K., & Epstein, R. M. (2019). How does communication heal? Pathways linking clinician–patient communication to health outcomes. *Patient Education and Counseling*, 74(3), 295–301. <https://doi.org/10.1016/j.pec.2008.11.015>
- Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. (2015). *Tâm lý học và giao tiếp trong điều dưỡng*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. (2018). *Giáo trình kỹ năng giao tiếp trong điều dưỡng*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Trần, T. T. H. (2021). Đánh giá kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng năm cuối trong thực tập tốt nghiệp tại bệnh viện đa khoa tỉnh. *Tạp chí Khoa học Y – Dược*, 25(4), 76–83.
- Vermeir, P., Vandijck, D., Degroote, S., Peleman, R., Verhaeghe, R., Mortier, E., Hallaert, G., Van Daele, S., & Vogelaers, D. (2017). Communication in healthcare: A narrative review of the literature and practical recommendations. *International Journal of Clinical Practice*, 69(11), 1257–1267. <https://doi.org/10.1111/ijcp.12686>
- Võ, T. T. U. (2017). Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp giữa điều dưỡng và người bệnh tại bệnh viện tuyến quận/huyện. *Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam*, 4(2), 55–60.
- Wang, Y., Liu, Y., & Wang, J. (2020). Nursing students’ communication competence and empathy during clinical placement. *BMC Medical Education*, 20(1), 1–8. <https://doi.org/10.1186/s12909-020-02400-9>
- Wittenberg, E., Goldsmith, J., Ferrell, B., & Ragan, S. L. (2017). Communication in palliative nursing. *Oxford Textbook of Palliative Nursing*, 85–102. <https://doi.org/10.1093/med/9780190862378.003.0006>
- World Health Organization. (2020). *State of the World’s Nursing 2020: Investing in Education, Jobs and Leadership*. WHO Press. <https://doi.org/10.37774/9789275122472>
- Xie, J., Ding, S., Wang, C., & Liu, A. (2018). An evaluation of nursing students’ communication ability during practical clinical training. *Nurse Education Today*, 63, 1–6. <https://doi.org/10.1016/j.nedt.2018.01.003>
- Younas, A., Roshan, R., & Wang, H. (2021). Communication skills training for nursing students in clinical education: A systematic review. *Nurse Education Today*, 104, 104946. <https://doi.org/10.1016/j.nedt.2021.104946>
- Zamanzadeh, V., Valizadeh, L., Rahmani, A., van der Cingel, M., & Ghafourifard, M. (2020). Factors facilitating nurse–patient communication: A qualitative study. *BMC Nursing*, 13(1), 1–8. <https://doi.org/10.1186/1472-6955-13-6>

NGHIÊN CỨU KỸ NĂNG GIAO TIẾP  
TRONG THỰC HÀNH CỦA SINH VIÊN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG  
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRUNG VƯƠNG HIỆN NAY

**Nguyễn Thị Hoàn**

Trường Đại học Trung Vương

ROR: <https://ror.org/05xzsm645>

Email: [hoanphuong.edu@gmail.com](mailto:hoanphuong.edu@gmail.com)

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0000-5094-0445>

**Hoàng Hà Trúc Lan**

Trường Đại học Trung Vương

ROR: <https://ror.org/05xzsm645>

Email: [truclanxiuiu@icloud.com](mailto:truclanxiuiu@icloud.com)

ORCID iD: <https://orcid.org/0009-0006-3328-1330>

**Lịch sử bài báo**

Ngày nhận bài: 12/02/2026

Ngày phản biện: 18/4/2026

Ngày tác giả sửa: 24/5/2026

Ngày duyệt đăng: 28/5/2026

Ngày phát hành: 30/6/2026

**DOI:** <https://doi.org/10.64223/tvj.e2026.v2.i6.a91>

**Tóm tắt:**

*Trong bối cảnh yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ngày càng trở nên cấp bách, kỹ năng giao tiếp của sinh viên điều dưỡng như một năng lực cốt lõi nhưng vẫn còn tồn tại nhiều khoảng trống cần được khai thác. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ thực trạng kỹ năng giao tiếp của sinh viên, xác định những yếu tố tác động chủ quan và khách quan, từ đó đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả rèn luyện. Phương pháp nghiên cứu bao gồm phân tích – tổng hợp lý thuyết, điều tra, khảo sát và quan sát khoa học để thu thập dữ liệu đa chiều. Kết quả cho thấy, sinh viên còn thiếu tự tin, thiếu kinh nghiệm thực tiễn và chịu ảnh hưởng đáng kể từ môi trường học tập, cơ sở thực hành cũng như áp lực lâm sàng. Nghiên cứu nhấn mạnh rằng, kỹ năng giao tiếp không chỉ là công cụ truyền đạt thông tin, mà còn là “nhịp cầu” nuôi dưỡng sự thấu cảm và hỗ trợ quá trình hồi phục của người bệnh. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất nhiều giải pháp thiết thực nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo điều dưỡng trong thời gian tới.*

**Từ khóa:** Kỹ năng giao tiếp trong điều dưỡng; Sinh viên ngành điều dưỡng; Thực hành lâm sàng điều dưỡng; Đào tạo điều dưỡng; Trường Đại học Trung Vương

**OECD-FOS:** 30305, 30304, 50301

**UNESCO Codes:** 3213, 5801

**ICD-11:** QC40, QE21